

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **230/2020/HN-ST**

Ngày: 28/05/2020

V/v “Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên.**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Văn Giang**

+ Ông **Ngô Minh Ngọc**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Đỗ Thanh Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.**

Ngày 28 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 122/2020/TLST-HN ngày 11/03/2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 8 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Thị Thu A** – sinh năm: 1972 (có mặt)

Trú tại: ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn B** – sinh năm 1969 (xin vắng mặt)

Trú tại: ấp M1, xã N1, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Lê Thị Thu A trình bày: chị và anh B sống chung năm 1991, không có đăng ký kết hôn, hai bên tiến tới hôn nhân do mai mối. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau do anh B không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Chị và anh B ly thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay. Trong thời gian ly thân chị và anh B không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm với nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

- Về con chung: có hai cháu tên Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1993 và Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1998. Hai cháu hiện nay đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: anh và chị A sống chung năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung và bất đồng quan điểm sống. Nay chị A yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: có hai cháu tên Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1993 và Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1998. Hai cháu hiện nay đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B sống chung năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn B cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn anh Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét đơn yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thu A: Về tình cảm: chị A yêu cầu ly hôn với anh B. Nguyên nhân ly hôn chị A trình bày là do vợ chồng không hợp tính nhau, sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau và bất đồng quan điểm sống. Anh B xin vắng mặt nhưng tại bản tự khai anh trình bày trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và anh đồng ý ly hôn với chị A. Hội đồng xét xử thấy rằng trong cuộc sống giữa chị A và anh B đã có mâu thuẫn xảy ra, anh chị không thể cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên chị A yêu cầu ly hôn với anh B nhưng vì anh chị không có đăng ký kết hôn theo luật định nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: cháu Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1993 và Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1998. Hai cháu hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: chị A, anh B trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung, nợ riêng: chị A, anh B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: chị A phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng Điều 14, Điều 51 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thu A.

[1] Về tình cảm: Tuyên bố chị Lê Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B không phải là vợ chồng.

[2] Về án phí: chị Lê Thị Thu A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003490 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên chị đã nộp xong án phí.

Chị A có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với anh B thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Phan Thị Cẩm Tiên